Phụ lục

PHÂN BỔ GẠO HỖ TRỢ HỌC SINH, HỌC VIÊN
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 66/2025/NĐ-CP NGÀY 12/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số: 622 /QĐ-UBND ngày 04 /4/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Xã, phường, trường	Tổng số học sinh, học viên; số tháng được hỗ trợ gạo học kỳ II năm học 2025-2026			Tổng số gạo tiếp nhận và phân bổ hỗ trợ cho học sinh, học viên kỳ II năm học 2025-2026
		Số đối tượng (người)	Số tháng	Số lượng gạo (kg)	Số lượng gạo (kg)
A	B	1	2	3	4
	TỔNG CỘNG	**31.052**	**557**	**1.628.760**	**1.628.760**
I	**Khối trường THPT**	**5.853**	**125**	**391.345**	**391.345**
1	Trường THPT Hữu Lũng	358	5	21.090	21.090
2	Trường THPT Vân Nham	240	5	16.935	16.935
3	Trường THPT Tân Thành	138	5	2.640	2.640
4	Trường THPT Chi Lăng	386	5	28.275	28.275
5	Trường THPT Hòa Bình	91	5	2.455	2.455
6	Trường THPT Tràng Định	243	5	17.505	17.505
7	Trường THPT Văn Lãng	155	5	10.935	10.935
8	Trường THPT Hội Hoan	235	5	11.325	11.325
9	Trường THPT Đình Lập	174	5	5.700	5.700
10	Trường THPT Lộc Bình	545	5	38.460	38.460
11	Trường THPT Na Dương	349	5	22.125	22.125
12	Trường THPT Tú Đoạn	57	5	4.065	4.065
13	Trường THPT Văn Quan	346	5	23.850	23.850
14	Trường THPT Bắc Sơn	310	5	22.455	22.455
15	Trường THPT Vũ Lễ	238	5	17.850	17.850
16	Trường THPT Bình Gia	463	5	34.470	34.470
17	Trường THPT Pắc Khuông	351	5	26.010	26.010
18	Trường THPT Lương Văn Tri	491	5	35.625	35.625
19	Trường THPT Cao Lộc	269	5	19.545	19.545
20	Trường THPT Ba Sơn	97	5	7.215	7.215
21	Trường THPT Đồng Đăng	29	5	2.175	2.175

22	Trường THPT Việt Bắc	15	5	1.080	1.080
23	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	45	5	3.000	3.000
24	Trường THPT Chuyên Chu Văn An	17	5	735	735
25	Trường THCS&THPT Bình Độ	211	5	15.825	15.825
II	**Khối trường DTNT**	**4.221**	**55**	**315.765**	**315.765**
1	Trường PT DTNT THCS&THPT Đình Lập	305	5	22.800	22.800
2	Trường PT DTNT THCS&THPT Văn Lãng	302	5	22.500	22.500
3	Trường PT DTNT THCS&THPT Bắc Sơn	373	5	27.975	27.975
4	Trường PT DTNT THCS&THPT Hữu Lũng	291	5	21.825	21.825
5	Trường THPT DT Nội trú tỉnh	591	5	44.265	44.265
6	Trường PT DTNT THCS&THPT Cao Lộc	435	5	32.625	32.625
7	Trường PT DTNT THCS&THPT Văn Quan	333	5	24.825	24.825
8	Trường PT DTNT THCS&THPT Lộc Bình	417	5	31.095	31.095
9	Trường PT DTNT THCS&THPT Chi Lăng	329	5	24.555	24.555
10	Định	412	5	30.900	30.900
11	Trường PT DTNT THCS& THPT Bình Gia	433	5	32.400	32.400
III	**Khối GDNN-GDTX**	**1.450**	**55**	**101.385**	**101.385**
1	Trung tâm GDNN-GDTX Cao Lộc	184	5	11.800	11.800
2	Trung tâm GDNN-GDTX Lộc Bình	194	5	15.330	15.330
3	Trung tâm GDNN-GDTX Đình Lập	32	5	1.095	1.095
4	Trung tâm GDNN-GDTX Văn Quan	166	5	12.450	12.450
5	Trung tâm GDNN-GDTX Bình Gia	171	5	12.450	12.450
6	Trung tâm GDNN-GDTX Bắc Sơn	275	5	20.625	20.625
7	Trung tâm GDNN-GDTX Chi Lăng	48	5	3.900	3.900
8	Trung tâm GDNN-GDTX Hữu Lũng	247	5	14.520	14.520
9	Trung tâm GDNN-GDTX Văn Lãng	51	5	4.035	4.035
10	Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định	55	5	4.125	4.125
11	Trung Tâm GDTX, Tin học và Ngoại ngữ	27	5	1.055	1.055
IV	**Khối xã, phường**	**19.528**	**322**	**820.265**	**820.265**
1	UBND phường Kỳ Lừa	263	17	8.070	8.070
2	UBND phường Đông Kinh	117	5	6.795	6.795
3	UBND xã Đồng Đăng	312	5	8.355	8.355
4	UBND xã Cao Lộc	740	5	35.433	35.433
5	UBND xã Công Sơn	380	5	18.440	18.440
6	UBND xã Ba Sơn	348	5	12.914	12.914
7	UBND xã Quốc Việt	288	5	14.390	14.390
8	UBND xã Na Sầm	221	5	9.190	9.190
9	UBND xã Hoàng Văn Thụ	150	5	8.575	8.575
10	UBND xã Thụy Hùng	136	5	7.200	7.200

11	UBND xã Văn Lãng	316	5	12.700	12.700
12	UBND xã Hội Hoan	523	5	20.980	20.980
13	UBND xã Thất Khê	89	5	6.585	6.585
14	UBND xã Đoàn Kết	305	5	14.278	14.278
15	UBND xã Tân Tiến	463	5	20.665	20.665
16	UBND xã Tràng Định	242	5	14.150	14.150
17	UBND xã Quốc Khánh	30	5	1.215	1.215
18	UBND xã Kháng Chiến	270	5	15.250	15.250
19	UBND xã Văn Quan	312	5	15.015	15.015
20	UBND xã Điềm He	542	5	25.670	25.670
21	UBND xã Yên Phúc	474	5	19.355	19.355
22	UBND xã Tri Lễ	758	5	35.625	35.625
23	UBND xã Tân Đoàn	41	5	2.865	2.865
24	UBND xã Khánh Khê	1.037	5	40.715	40.715
25	UBND xã Tân Văn	154	5	8.550	8.550
26	UBND xã Hồng Phong	455	5	20.080	20.080
27	UBND xã Hoa Thám	297	5	15.275	15.275
28	UBND xã Quý Hòa	142	5	8.650	8.650
29	UBND xã Thiện Hòa	461	5	20.395	20.395
30	UBND xã Thiện Thuật	525	5	22.355	22.355
31	UBND xã Thiện Long	376	5	15.080	15.080
32	UBND xã Bắc Sơn	201	5	4.530	4.530
33	UBND xã Hưng Vũ	68	5	4.785	4.785
34	UBND xã Vũ Lăng	99	5	5.430	5.430
35	UBND xã Nhất Hòa	312	5	15.400	15.400
36	UBND xã Tân Tri	478	5	22.550	22.550
37	UBND xã Lộc Bình	171	5	8.025	8.025
38	UBND xã Mẫu Sơn	396	5	22.700	22.700
39	UBND xã Na Dương	360	5	15.870	15.870
40	UBND xã Lợi Bác	358	5	15.390	15.390
41	UBND xã Thống Nhất	874	5	40.670	40.670
42	UBND xã Xuân Dương	471	5	1.515	1.515
43	UBND xã Khuất Xá	119	5	6.925	6.925
44	UBND xã Đình Lập	131	5	5.190	5.190
45	UBND xã Thái Bình	596	5	12.735	12.735
46	UBND xã Châu Sơn	196	5	6.795	6.795
47	UBND xã Kiên Mộc	333	5	10.810	10.810
48	UBND xã Hữu Lũng	94	5	3.810	3.810

49	UBND xã Tuấn Sơn	245	5	6.025	6.025
50	UBND xã Tân Thành	132	5	4.440	4.440
51	UBND xã Vân Nham	123	5	3.915	3.915
52	UBND xã Thiện Tân	161	5	6.555	6.555
53	UBND xã Yên Bình	61	5	4.575	4.575
54	UBND xã Hữu Liên	85	5	6.375	6.375
55	UBND xã Chi Lăng	53	5	2.175	2.175
56	UBND xã Quan Sơn	527	5	20.405	20.405
57	UBND xã Chiến Thắng	1.137	5	38.275	38.275
58	UBND xã Nhân Lý	462	5	20.650	20.650
59	UBND xã Bằng Mạc	271	5	3.240	3.240
60	UBND xã Vạn Linh	107	5	5.460	5.460
61	UBND phường Lương Văn Tri	93	5	6.705	6.705
62	UBND phường Tam Thanh	47	5	3.525	3.525